TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN QUẢNG XƯƠNG** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 58 /2023/HS-ST
Ngày: 23 - 8 - 2023

NHÂN DANH
N- ỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN QUẢNG XƯƠNG - TỈNH THANH HOÁ

- Thành phần xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Huyền

Các hội thẩm nhân dân: Bà Hoàng Thị Thúy

Bà Nguyễn Thị Huyền

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Minh Hiền - Thư ký tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hương Giang - Kiểm sát viên

Ngày 23 tháng 8 năm 2023 Tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 50/2023/TLST- HS ngày 12 tháng 7 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 53/2023/QĐXXST- HS ngày 03 tháng 8 năm 2023 đối với bị cáo:

Võ Duy H, sinh năm 1991; Nơi cư trú: Thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh hóa; nghề nghiệp:Lao động tự do; trình độ văn hóa: 10/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Duy K và bà Lê Thị N; vợ: Trịnh Thị T (đã ly hôn) hiện lấy vợ khác là Lê Thị Phương T, có 02 con (01 con chung với chị T, 01 con chung với chị T); tiền án, tiền sự: Không; nhân thân: Ngày 23/02/2017 Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh L xử phạt 03 năm tù về tội "Giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi", chấp hành xong ngày 30/01/2019 (đã được xóa án tích); tạm giữ ngày 20/4/2023 đến ngày 26/4/2023 thay thế biện pháp ngăn chặn cấm đi khỏi nơi cư trú. Bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Phạm Trọng L - sinh năm 1976 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn 6, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

2. Chị Phạm Thị N - sinh năm 2005 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

3. Anh Mai Xuân H - sinh năm 2005 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn M, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

4. Anh Trương Văn T - sinh năm 1972 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn H, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

5. Anh Trần Ngọc S - sinh năm 1990 (vắng mặt)

Nơi cư trú: Thôn G, xã Q, huyện Q, tỉnh Thanh Hóa

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Xuất phát từ động cơ vụ lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 4/2023, Võ Duy H đã sử dụng tiền của cá nhân cho người dân trên địa bàn huyện Quảng Xương vay với lãi suất từ 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày đến 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương với mức lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm. Mỗi khi có khách vay tiền, H sẽ kiểm tra thông tin của khách vay như: Tên, tuổi, địa chỉ, điều kiện gia đình, hoàn cảnh kinh tế... Tùy theo điều kiện gia đình và hoàn cảnh kinh tế của khách vay mà H sẽ đưa ra hình thức vay và mức lãi suất, nếu khách đồng ý vay thì H sẽ đưa tiền cho khách. Khi đưa tiền cho khách vay, H sẽ cắt trước tiền lãi của tháng đầu tiên, đến các tháng tiếp theo khách vay sẽ phải trả tiền lãi hàng tháng cho H theo như đã thỏa thuận cho đến khi nào khách trả hết tiền gốc. Đến ngày 20/4/2023, nhận thức hành vi của mình là vi phạm pháp luật, Võ Duy H đã đến Cơ quan CSĐT Công an huyện Quảng Xương đầu thú, khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Quá trình điều tra xác định: Từ tháng 11 năm 2020 đến tháng 4 năm 2023, Võ Duy H đã sử dụng số tiền 51.000.000 đồng của cá nhân cho 05 khách vay lấy lãi với mức lãi suất đều vượt quá 05 lần mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự. Cụ thể như sau:

1. Ngày 14/11/2020 Võ Duy H cho anh Phạm Trọng L vay số tiền 10.000.000đ, không ấn định ngày trả với lãi suất 3.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 109,5%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh L phải trả là 900.000đ. Khi vay Huân cắt trước 900.000đ tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho anh L 9.100.000 đồng. Tính đến ngày 20/4/2023 anh L đã vay của H 29 tháng 06 ngày, tổng số tiền lãi nhằm thu theo thoả thuận là 26.280.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 29 tháng 06 ngày cho khoản vay là 4.800.000 đồng. Số tiền H nhằm thu lời bất chính của anh L trong 29 tháng 06 ngày là 21.480.000 đồng. Thực tế anh L đã trả cho H 28 tháng tiền lãi bằng 25.200.000 đồng; Trong đó số tiền lãi theo quy định là: 4.602.740 đồng, lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định cảu bộ luật dân sự là: 20.597.260 đồng, anh L còn nợ H 1 tháng 06 ngày tiền lãi và chưa trả tiền gốc.

2. Ngày 11/10/2022 Võ Duy H cho chị Phạm Thị N vay 5.000.000 đ không ấn định ngày trả với lãi suất 4.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 146%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng chị N phải trả là 600.000 đ. Khi vay H cắt trước 600.000 tiền lãi tháng

đầu tiên, H đưa cho chị N 4.400.000 đồng. Đến ngày 11/12/2022, chị N đã trả đủ lãi 02 tháng cho H là 1.200.000 đồng và 5.000.000 đồng tiền gốc. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 02 tháng của khoản vay là 164.384 đồng. Võ Duy H đã thu lời bất chính số tiền 1.035.616 đồng của chị Phạm Thị N.

3. Võ Duy H cho anh Mai Xuân H vay 02 lần cụ thể:

- Ngày 06/5/2022 Võ Duy H cho anh Mai Xuân H vay số tiền 3.000.000 đồng, không ấn định ngày trả gốc, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 182,5%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh H phải trả là 450.000đ. Khi vay H cắt trước 450.000 đồng tiền lãi, Huân đưa cho anh H 2.550.000 đồng. Đến ngày 19/9/2022, anh H đã trả đủ lãi 02 tháng cho H là 900.000 đồng và 3.000.000 đồng tiền gốc. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 02 tháng của khoản vay là 98.630 đồng. Võ Duy H đã thu lời bất chính số tiền 801.370 đồng của anh Mai Xuân H.

- Ngày 19/7/2022 Võ Duy H cho anh Mai Xuân H vay số tiền 3.000.000đ, không ấn định ngày trả gốc, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 182,5%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh H phải trả là 450.000đ. Khi vay H cắt trước 450.000 đồng tiền lãi, H đưa cho anh H 2.550.000 đồng. Đến ngày 19/9/2022, anh H đã trả đủ lãi 02 tháng cho H là 900.000 đồng và 3.000.000đ tiền gốc. Trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong 02 tháng của khoản vay là 98.630 đồng. Võ Duy H đã thu lời bất chính số tiền 801.370 đồng của anh Mai Xuân H.

Tổng số tiền Võ Duy H đã thu lời bất chính của anh Mai Xuân Hiếu trong 2 lần vay là 1.602.740 đồng.

4. Ngày 16/12/2022 Võ Duy H cho anh Trương Văn T vay số tiền 10.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc, lãi suất 5.000 đồng/1 triệu/1 ngày, tương đương 182,5%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh T phải trả là 1.500.000 đồng. Khi vay H cắt trước tiền lãi tháng đầu tiên, đưa cho anh T 8.500.000 đồng. Tính đến ngày 20/4/2023 anh T đã vay của H 04 tháng 04 ngày, tổng số tiền lãi nhằm thu theo thoả thuận là 6.200.000 đồng, trong đó số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 04 tháng 04 ngày cho khoản vay là 679.452 đồng. Số tiền Võ Duy H nhằm thu lời bất chính của anh Trương Văn Tuyên là 5.520.548 đồng. Thực tế anh T đã trả cho H 04 tháng tiền lãi bằng 6.000.000 đồng; Trong đó số tiền lãi theo quy định là: 657.534 đồng, lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của bộ luật dân sự là: 5.342.466 đồng, anh T còn nợ H 04 ngày tiền lãi và chưa trả tiền gốc.

5. Ngày 17/5/2022 Võ Duy H cho anh Trần Ngọc S vay số tiền 20.000.000đ, không ấn định ngày trả tiền gốc với lãi suất 3.333 đ/1 triệu/1 ngày, tương đương 121,67%/1 năm, số tiền lãi hàng tháng anh S phải trả là 2.000.000 đồng. Khi vay H

không cắt trước tiền lãi tháng đầu tiên và đưa cho anh S đủ 20.000.000 đồng. Ngày 17/12/2022 anh Sơn đã trả cho H 7 tháng lãi là 14.000.000 đồng và 20.000.000 đồng tiền gốc. Số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật dân sự trong vòng 07 tháng của khoản vay là 2.301.370 đồng. Số tiền Võ Duy H đã thu lời bất chính của anh S là 11.698.630 đồng.

Như vậy, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 4/2023, Võ Duy H đã sử dụng số tiền 51.000.000 đồng cho 05 khách vay gồm: anh Phạm Trọng L, chị Phạm Thị N, anh Mai Xuân H, anh Trương Văn T, anh Trần Ngọc S với lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm. Mức lãi suất trên đã vượt quá từ 5,48 lần đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, trong đó:

Tổng số tiền lãi theo thoả thuận mà Võ Duy H sẽ thu được của 05 người vay kể từ ngày vay cho đến ngày 20/4/2023 (thời điểm phát hiện tội phạm) là 49.480.000 đồng. Trong đó, số tiền lãi tương ứng với mức lãi suất vay cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự là 8.142.466 đồng. Số tiền lãi vượt quá quy định mà Võ Duy H đã và sẽ thu được là 41.337.534 đồng.

Thực tế H đã thu của 05 khách vay 48.200.000 đồng tiền lãi, trong đó Trong đó số tiền lãi theo quy định là 7.923.288 đồng; Lãi suất vượt quá mức lãi suất cao nhất theo quy định của bộ luật dân sự là 40.276.712 đồng.

Tại bản cáo trạng số 53/CT-VKSQX ngày 10 tháng 7 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Xương, tỉnh Thanh Hoá truy tố Võ Duy H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương, tỉnh Thanh Hoá luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố bị cáo, đồng thời đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35 BLHS đề nghị xử phạt bị cáo từ: 65.000.000đồng đến 70.000.000đồng. Do bị cáo áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền nên không phạt bổ sung bị cáo là phù hợp.

+ Về các biện pháp tư pháp:

- Đối với các khoản nợ gốc: Tổng số tiền 51.000.000đồng là tiền Huân sử dụng cho khách vay là tiền sử dụng làm phương tiện phạm tội nên cần tịch thu sung công quỹ nhà nước. Trong đó tịch thu từ H số tiền 31.000.000 đồng là tiền những người vay đã trả cho H (gồm: Chị Phạm Thị N 5.000.000 đồng, anh Mai Xuân H 6.000.000 đồng, anh Trần Ngọc S 20.000.000 đồng). Tịch thu từ anh Phạm Trọng L số tiền nợ gốc 10.000.000 đồng và anh Trương Văn T số tiền nợ gốc 10.000.000đồng (hai người này đã vay của của H chưa trả) để sung quỹ Nhà nước.

- Về tiền lãi thu được tương ứng với mức lãi suất BLDS quy định: Đối với số tiền 7.923.288 đồng là tiền lãi H đã thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm

theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần truy thu của Võ Duy H để sung công quỹ Nhà nước.

- Đối với số tiền thu lời bất chính mà Võ Duy H đã thu của người vay, gồm: anh Phạm Trọng L là 20.597.260 đồng; chị Phạm Thị N 1.035.616 đồng; anh Mai Xuân H: 1.602.740 đồng; anh Trương Văn T 5.342.466 đồng; anh Trần Ngọc S 11.698.630 đồng.

Quá trình điều tra xác định anh Phạm Trọng L, chị Phạm Thị N, anh Mai Xuân H, anh Trương Văn T, anh Trần Ngọc S đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp, do vậy cần buộc H phải trả lại số tiền trên cho những người vay, cụ thể: anh Phạm Trọng L 20.597.260 đồng. Đối với chị Phạm Thị N, anh Mai Xuân H, anh Trương Văn T, anh Trần Ngọc S không yêu cầu Huân phải trả lại số tiền trên.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí theo qui định của pháp luật

Bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội và không tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát, lời sau cùng đề nghị hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan điều tra Công an huyện Quảng Xương, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra bị cáo không có ý kiến khiếu nại gì về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Tại phiên toà hôm nay: Lời khai của bị cáo phù hợp với lời khai tại cơ quan điều tra; lời khai người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan, cùng các chứng cứ tài liệu khác thu thập được phản ánh trong hồ sơ.

[2.1]. Đủ cơ sở chứng minh: Xuất phát từ động cơ tư lợi, trong khoảng thời gian từ tháng 11/2020 đến tháng 4/2023, Võ Duy H đã sử dụng số tiền 51.000.000 đồng của cá nhân cho anh anh Phạm Trọng L, chị Phạm Thị N, anh Mai Xuân H, anh Trương Văn T, anh Trần Ngọc S vay với lãi suất từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm, vượt quá từ 5,48 lần đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, thu lời bất chính với tổng số tiền là 41.337.534 đồng**.**

[2.2]. Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Quảng Xương luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố Võ Duy H về tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự" theo khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn

cứ, đúng qui định của pháp luật. Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Hành vi phạm tội của Võ Duy H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự", tội phạm và hình phạt được qui định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật hình sự.

[3]. Về tính chất vụ án: Đây là vụ án cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, bị cáo đã lợi dụng nhu cầu cần vay tiền của người dân một cách nhanh nhất, không cần thế chấp và không phải thực hiện các thủ tục gì, đã cho vay với lãi suất cao từ 109,5%/1 năm đến 182,5%/1 năm, vượt quá từ 5,48 lần đến 9,13 lần so với mức lãi suất cao nhất theo quy định của Bộ luật Dân sự, nhằm thu lời bất chính. Hành vi của bị cáo đã xâm phạm trực tiếp đến trật tự quản lý kinh tế của Nhà nước trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ, xâm phạm lợi ích của công dân được pháp luật bảo vệ, gây ảnh hưởng xấu đến an ninh trật tự, là hành vi nguy hiểm cho xã hội, do đó phải đ- ợc xử lý nghiêm minh.

[4]. Về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với các bị cáo: Bị cáo là người có nhận thức, nhưng cũng chỉ vì muốn kiếm tiền một cách nhanh nhất mà không phải bỏ công sức lao động của mình đã thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao để thu lời bất chính, dẫn đến phạm tội. Bị cáo không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như: sau khi biết hành vi của mình là vi phạm pháp luật đã ra đầu thú, thành khẩn khai báo được qui định tại điểm s khoản 1, 2 Điều 51 BLHS. Xét tính chất vụ án ít nghiêm trọng và bị cáo có các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự như nêu trên, nên áp dụng hình phạt chính là hình phạt tiền đối với bị cáo là phù hợp, khi quyết định hình phạt cũng nên xem xét tính chất mức độ, hành vi của bị cáo để có mức phạt cho phù hợp.

[5]. Về hình phạt bổ sung: Do bị cáo áp dụng hình phạt chính là phạt tiền nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền là phù hợp.

[6]. Về các biện pháp tư pháp:

[6.1]. Đối với số tiền nợ gốc 31.000.000 đồng là tiền những người vay đã trả cho H (gồm: Chị Phạm Thị N trả 5.000.000 đồng, anh Mai Xuân H trả 6.000.000 đồng, anh Trần Ngọc S trả 20.000.000 đồng). Đây là tiền H sử dụng làm phương tiện phạm tội nên áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS cần tịch thu ở bị cáo Huân 31.000.000 đồng để sung nộp ngân sách nhà nước.

[6.2]. Đối với số tiền nợ gốc mà người vay chưa trả cho H gồm: anh Phạm Trọng L số tiền 10.000.000 đồng, anh Trương Văn T số tiền 10.000.000 đồng. Đây là số tiền H dùng vào việc phạm tội áp dụng điểm a khoản 1 Điều 47 BLHS buộc anh Phạm Trọng L phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng, buộc anh Trương Văn T phải nộp lại số tiền 10.000.000 đồng để tịch thu sung nộp ngân sách nhà nước.

[6.3]. Đối với số tiền 7.923.288 đồng là tiền lãi H thu được tương ứng với mức lãi suất 20%/năm theo quy định của Bộ luật Dân sự, tuy không bị tính xác

định trách nhiệm hình sự nhưng là khoản tiền phát sinh từ hành vi phạm tội nên cần tịch thu của Huân để sung quỹ Nhà nước.

[6.4]. Đối với số tiền H đã thu lãi của những người vay vượt quá qui định của BLDS gồm: anh Phạm Trọng L là 20.597.260 đồng; chị Phạm Thị N 1.035.616 đồng; anh Mai Xuân H: 1.602.740 đồng; anh Trương Văn T 5.342.466 đồng; anh Trần Ngọc S 11.698.630 đồng. Quá trình điều tra xác định anh Phạm Trọng L, chị Phạm Thị N, anh Mai Xuân H, anh Trương Văn T, anh Trần Ngọc S đều sử dụng tiền vay vào mục đích cá nhân hợp pháp, đây là khoản tiền Huân thu lời bất chính của những người vay trên, áp dụng khoản 2 Điều 47 BLHS cần buộc H phải trả lại số tiền trên cho những người vay trên theo quy định của pháp luật. Buộc H phải trả cho anh Phạm Trọng L số tiền 20.597.260 đồng. Đối với chị Phạm Thị Nhung, anh Mai Xuân H, anh Trương Văn T, anh Trần Ngọc S không yêu cầu Huân phải trả lại số tiền đã thu vượt quá quy định của pháp luật như nêu trên, đây là sự tự nguyện của anh, chị nên chấp nhận.

[7]. Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo qui định của pháp luật

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: khoản 1 Điều 201; điểm s khoản 1, 2 Điều 51; khoản 1 Điều 35; BLHS; điểm a khoản 1, khoản 2 Điều 47 BLHS; khoản 2 Điều 136; Điều 331, Điều 332, Điều 333 BLTTHS; Điều 6; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Quốc hội qui định mức thu, miễn giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

+ Tuyên bố: Võ Duy H phạm tội "Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự"

+ Xử phạt: Võ Duy H 65.000.000 đồng (sáu mươi lăm triệu đồng)

+ Về các biện pháp tư pháp:

- Tịch thu bị cáo H số tiền 31.000.000 đồng và 7.923.288 đồng để sung nộp ngân sách Nhà nước.

- Tịch thu từ anh Phạm Trọng L số tiền 10.000.000 đồng, anh Trương Văn T số tiền 10.000.000 đồng để sung vào ngân sách Nhà nước.

- Buộc bị cáo H phải trả lại cho anh Phạm Trọng L số tiền 20.597.260 đồng.

- Chấp nhận sự tự nguyện của chị Phạm Thị N, anh Mai Xuân H, anh Trương Văn T, anh Trần Ngọc S không yêu cầu Huân phải trả lại số tiền lãi mà H đã thu vượt quá quy định của pháp luật.

+ Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000đ án phí hình sự sơ thẩm

Trường hợp quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thi ng□ời đ□ợc thi hành án dân sự, ng□ời phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị c□ỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6,7, 7a ,9 của Luật Thi hành án Dân sự, thời hiệu thi hành án đ□ợc thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết bản án.

Nơi nhận
- Bị cáo;
- Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan
- VKSND huyện Q
- Công an huyện Q
- THA DS huyện Q
- L- u hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Bùi Thị Huyền